

Số: *KA* /2024/QĐ-UBND

Bình Dương, ngày *18* tháng *10* năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Bình Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ Quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và Hệ thống thông tin đất đai;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Thực hiện Thông báo số 347/TB-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về kết luận của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 73 - khóa X;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 369/TTr-STNMT ngày 27 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định hạn mức công nhận đất ở đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 5 Điều 141 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.

2. Hạn mức quy định tại quyết định này là cơ sở để xác định nghĩa vụ tài chính trong trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với đất ở cho hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất.

3. Bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai; tổ chức dịch vụ công về đất đai; cơ quan tài chính, cơ quan thuế và các cơ quan khác có liên quan.

2. Người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Quy định hạn mức công nhận đất ở

1. Trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980

a) Tại các phường: Hạn mức không quá 160m²;

b) Tại các thị trấn: Hạn mức không quá 200m²;

c) Tại các xã: Hạn mức không quá 300m².

2. Trường hợp sử dụng đất từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993

a) Tại các phường: Hạn mức không quá 160m²;

b) Tại các thị trấn: Hạn mức không quá 200m²;

c) Tại các xã: Hạn mức không quá 300m².

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2024.

2. Quyết định này bãi bỏ các nội dung quy định có liên quan đến hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở tại Quyết định số 37/2014/QĐ-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định hạn mức giao đất ở, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất ở trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành



Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ: Tư pháp; TN&MT;
- Cục Kiểm tra Văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT TU, TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Như Điều 5;
- CSDL quốc gia về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website tỉnh;
- Báo Bình Dương;
- LĐVP, CV, TH, HCTC;
- Lưu: VT. *me*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC

Mai Hùng Dũng
Mai Hùng Dũng